

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-PT

Ngày: 14-12-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mười.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lê Trung M - sinh năm 1963.

- Bà Ngô Thị Tuyết N - sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn P - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường PN, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị C.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường PN, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn, ông Huỳnh Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/07/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau, ngày 27/04/2021, ông Huỳnh Tấn P có vay của ông, bà số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để làm ăn mua rau dưa, thời hạn vay là 01 tháng. Sau thời hạn này, ông P sẽ trả lại tiền cho ông bà. Ông, bà và ông P không có thỏa thuận về lãi suất. Đến ngày 05/5/2021, ông P tiếp tục vay của ông, bà số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) vẫn với mục đích để làm ăn mua rau (rom) về bán lại cho những người buôn dưa để xếp dưa kiếm thêm thu nhập cho gia đình, về thời hạn và lãi suất hai bên tiếp tục thỏa thuận như ban đầu. Cả hai lần vay tiền ông P đều viết giấy mượn tiền và cam kết sẽ trả tiền đúng hạn. Tuy nhiên khi đến hạn, ông, bà nhiều lần yêu cầu ông P trả số tiền đã vay nhưng ông P cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Nay ông, bà yêu cầu ông P, bà C có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay nêu trên; ông, bà không yêu cầu trả tiền lãi.

** Bị đơn ông Huỳnh Tấn P trình bày:*

Ông đồng ý với trình bày của ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N về việc ông có vay tiền 02 lần. Lần thứ nhất vào ngày, tháng, năm nào ông không nhớ. Tuy nhiên, thực tế số tiền ông vay là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng. Ông M, bà N tính lãi suất 20%/tháng bằng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tổng số tiền gốc và tiền lãi ông viết trong giấy mượn số tiền là 6.000.000 đồng. Lần thứ hai vào ngày 06/5/2021, số tiền vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay một tháng. Ông M, bà N tính lãi suất 20%/tháng bằng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), cộng tiền gốc và tiền lãi ông viết trong giấy mượn số tiền là 6.000.000 đồng. Mục đích ông vay tiền của ông M, bà N là để sử dụng cá nhân, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy, vợ của ông là bà Huỳnh Thị C không biết về việc ông vay tiền.

Sau khi vay tiền lần thứ 2, vào ngày 06/5/2021, ông bắt đầu trả dần tiền gốc của hai lần vay cho ông M, bà N, cụ thể một ngày là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), ông trả đến ngày 21/5/2021 thì ông không trả nữa. Việc ông trả dần tiền gốc cho ông M, bà N không có viết giấy tờ gì. Nay ông M, bà N yêu cầu ông trả số tiền vay 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) là không đúng. Vì ông đã trả dần tiền gốc cho ông M, bà N, như vậy số tiền còn lại mà ông nợ ít hơn số tiền ông M, bà N yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị C: Không có ý kiến trình bày.*

** Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi, tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N; buộc ông Huỳnh Tấn P phải có nghĩa vụ trả cho ông M và bà N số tiền đã vay là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2022, ông Huỳnh Tấn P có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N về việc buộc ông phải trả đủ số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Huỳnh Tấn P, nhận thấy: Ông Huỳnh Tấn P có vay tiền của ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N 02 lần: lần thứ nhất ngày 27/04/2021, số tiền 6.000.000 đồng; lần thứ hai ngày 05/5/2021, số tiền 6.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả lại tiền vay là 01 tháng. Đúng hạn trong giấy mượn tiền nhưng ông P không trả tiền cho ông M, bà N. Quá trình giải quyết vụ án, ông P thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhưng từ ngày 06/5/2021, mỗi ngày ông trả nợ cho ông M, bà N số tiền 400.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình kháng cáo, ông P cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh số tiền ông đã trả cho nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đức P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Ngày 10/10/2022, bị đơn ông Huỳnh Tấn P có đơn kháng cáo đối bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Xét thấy, thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn P là hợp lệ.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị C mặc dù đã được Tòa án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Tấn P:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 27/4/2021, bị đơn ông Huỳnh Tấn P có vay của ông Lê Trung M số tiền 6.000.000đồng; đến ngày 05/5/2021, ông Huỳnh Tấn P tiếp tục vay lần thứ 2 số tiền 6.000.000đồng; cả hai lần vay tiền đều không có thỏa thuận lãi suất; thời hạn mượn tiền là 01 tháng ông P sẽ trả lại tiền cho ông M, bà N. Đúng hạn trong giấy mượn tiền ông P không trả lại tiền cho ông M, bà N; ông M, bà N đã yêu cầu ông P trả nợ nhiều lần, nhưng vẫn không trả tiền.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn P thừa nhận có mượn tiền của ông M, bà N 02 lần như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, từ ngày 06/5/2021, ông đã trả góp mỗi ngày 400.000đồng cho ông M, bà N; đến ngày 21/5/2021 thì ông không trả nữa. Tại phiên tòa phúc thẩm, có lúc bị đơn trình bày đã trả cho ông M, bà N số tiền 6.000.000 đồng, có lúc trình bày là trả 9.000.000 đồng, có lúc trình bày chưa trả. Như vậy, lời khai của bị đơn về việc trả nợ cho nguyên đơn có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Tấn P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông đã trả tiền cho ông Lê Trung M, bà Ngô Thị Tuyết N. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Tấn P phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N số tiền đã vay là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) là có căn cứ.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Tấn P cung cấp một số đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa ông P với một số người khác. Theo ông P, nội dung các các đoạn ghi âm đã chứng minh việc ông có trả tiền cho ông M, bà N; đồng thời các cuộc nói chuyện này cũng thể hiện vợ chồng ông M, bà N là người cho vay nặng lãi. Tuy nhiên, ông M, bà N không thừa nhận nội dung mà ông Huỳnh Tấn P trình bày; hơn nữa nội dung các đoạn ghi âm cũng không rõ ràng, không chứng minh được việc ông P đã trả tiền cho ông M, bà N.

[2.3] Bị đơn ông Huỳnh Tấn P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông phải trả đủ số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Tuy nhiên như đã nhận định ở trên; ông Huỳnh Tấn P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông đã trả tiền cho ông Lê Trung M, bà Ngô Thị Tuyết N; những chứng cứ mà ông Huỳnh Tấn P cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Tấn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Tấn P, giữ nguyên Bản án số 32/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N; buộc ông Huỳnh Tấn P phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N số tiền vay là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

2. Về lãi suất: Ông Lê Trung M, bà Ngô Thị Tuyết N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Huỳnh Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng); hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) cho ông Lê Trung M và bà Ngô Thị Tuyết N, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002690 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Huỳnh Tấn P phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004092 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mười

